

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2020/HNGĐ-ST
Ngày 31-8-2020
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đức Mạnh

Ông Trần Đăng Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ; nơi cư trú: Số 49/19/46 phố Lạch Tr, phường Hàng K, quận Lê Ch, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Chị Mã Tuyết B; nơi cư trú: Vương Quốc Anh, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Anh và chị Mã Tuyết B thông qua quen biết đã tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, khi kết hôn có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn vào ngày 30 tháng 6 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, sau chị Mã Tuyết B quay trở về Anh Quốc để làm việc và sinh sống. Thời gian đầu khi vợ chồng xa nhau anh chị vẫn thường xuyên liên lạc, sau do chị Mã Tuyết B không thực hiện

được thủ tục bảo lãnh cho anh sang Anh Quốc để vợ chồng đoàn tụ nên dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày một xa cách. Kể từ ngày trở về Anh Quốc cho đến nay chưa một lần nào chị B quay trở lại Việt Nam thăm anh. Bản thân anh chị cũng đã cố gắng khắc phục, hòa giải nhiều lần, tìm nhiều phương án để khắc phục tình trạng hôn nhân nhưng không có kết quả. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không thể nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Mã Tuyết B.

- Về con chung, tài sản chung: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Mã Tuyết B không có con chung, tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai, bị đơn là chị Mã Tuyết B trình bày: Chị thống nhất với anh Nguyễn Văn Đ về quá trình kết hôn, về con chung, về tài sản chung cũng như nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng mâu thuẫn. Chị Mã Tuyết B cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không thể. Nay chị Mã Tuyết B cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Anh Nguyễn Văn Đ cung cấp 02 Đơn xin ly hôn đề ngày 08-6-2020 của chị Mã Tuyết B gửi về từ Anh Quốc. Theo Kết luận giám định số 101/KLGD-PC09 ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an thành phố Hải Phòng thì chữ viết, chữ ký mang tên Mã Tuyết B trên 02 văn bản nói trên so với chữ ký, chữ viết của Mã Tuyết B trên Giấy chứng nhận kết hôn giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Mã Tuyết B là do cùng một người ký, viết ra.

Do chị Mã Tuyết B hiện tại đang ở nước ngoài và không yêu cầu hòa giải nên căn cứ khoản 2, khoản 4, Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Tại phiên tòa: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Mã Tuyết B đều vắng mặt và cùng có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến phiên tòa. Các đương sự cũng đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ có đủ cơ sở kết luận sau khi kết hôn một thời gian, chị Mã Tuyết B quay trở về Anh Quốc để làm việc và sinh sống. Do khoảng cách địa lý vợ chồng xa nhau, cùng với việc chị Mã Tuyết B không thực hiện được thủ tục bảo lãnh cho anh Đ sang Anh Quốc để vợ chồng đoàn tụ nên dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày một xa cách. Kể từ ngày trở về Anh Quốc cho đến nay chưa một lần nào chị B quay trở lại Việt Nam. Nay cả hai cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy thì mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu xin ly

hôn của anh Nguyễn Văn Đ; Về con chung, tài sản chung: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Mã Tuyết B không có con chung, tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí và chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Văn Đ là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật. Anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện chịu các chi phí tố tụng khác, chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Mã Tuyết B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 30 tháng 6 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 đây là hôn nhân hợp pháp. Chị Mã Tuyết B hiện đang ở nước ngoài, theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị Mã Tuyết B vắng mặt tại phiên tòa, chỉ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và ủy quyền cho anh Nguyễn Văn Đ nhận các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị. Anh Nguyễn Văn Đ đã nhận tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn Đ và chị Mã Tuyết B.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của anh Nguyễn Văn Đ thống nhất với lời khai của chị Mã Tuyết B, phù hợp với ý kiến của đại diện gia đình có cơ sở xác định anh Đ và chị B hạnh phúc được thời gian đầu. Sau đó chị Mã Tuyết B quay trở về Anh Quốc để làm việc và sinh sống, khi vợ chồng xa nhau anh chị vẫn thường xuyên liên lạc, do chị Mã Tuyết B không thực hiện được thủ tục bảo lãnh cho anh Nguyễn Văn Đ sang Anh Quốc để vợ chồng đoàn tụ nên dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày một xa cách. Bản thân anh chị cũng đã cố gắng khắc phục, hòa giải nhiều lần, tìm nhiều phương án để khắc phục tình trạng hôn nhân nhưng không có kết quả. Nay cả hai cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, như vậy việc anh Nguyễn Văn Đ xin ly hôn là hoàn toàn chính đáng. Xét, quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Mã Tuyết B trên thực tế không còn cuộc sống chung vợ chồng, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị xin ly hôn của anh Nguyễn Văn Đ, cho anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn với chị Mã Tuyết B là có căn cứ.

[4] Về con chung, tài sản chung: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Mã Tuyết B không có con chung, tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí và chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Văn Đ là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật. Anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện chịu các chi phí tố tụng khác, chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn Đ.

[6] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Mã Tuyết B được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của anh Nguyễn Văn Đ.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Mã Tuyết B.

2. Về nuôi con chung, tài sản chung: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Mã Tuyết B không có con chung, tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về án phí:

Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm n hưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đ ã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008670 ngày 31 tháng 7 năm 2020 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng ; anh Nguyễn Văn Đ đã nộp đủ án phí.

Về chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Văn Đ đã nộp đủ chi phí tố tụng khác.

4. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Anh Nguyễn Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Chị Mã Tuyết B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND TP Hải Phòng;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Vân Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Mạnh Trần Đăng Khoa

Trần Thị Vân Thúy

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã Vĩnh Lập, H. Thanh Hà, tỉnh Hải Dương;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thu Hương

